TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____ Số: 22/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____ *V X, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa: Anh **Nông Kiên Q**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Kim Th, huyện V, tỉnh Hvà chị **Hoàng Thị Th** (tên gọi khác: Hoàng Kim Th), sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Kim Th, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

***1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:* Anh **Nông Kiên Q**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Kim Th, huyện V, tỉnh H và chị **Hoàng Thị Th**(tên gọi khác: Hoàng Kim Th), sinh năm: 1981; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Kim Th, huyện V, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Kiên Q và chị Hoàng Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Nông Kiên Q và chị Hoàng Thị Th có hai con chung: Cháu Nông Thị Bình Nh- Sinh ngày: 02-05-2007 và cháu Nông Hoàng Tuấn A- Sinh ngày: 20-12-2009

Anh Nông Kiên Q và chị Hoàng Thị Th thỏa thuận nhất trí giao cháu Nông Thị Bình Nh- Sinh ngày: 02-05-2007 và cháu Nông Hoàng Tuấn A- Sinh ngày:

20-12-2009 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh, cháu A cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nông Kiên Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nông Hoàng Tuấn A với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày 04-3-2020 cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Nà C, xã Kim Th, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Nông Kiên Q và chị Hoàng Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nông Kiên Q và chị Hoàng Thị Th thỏa thuận nhất trí để anh Nông Kiên Q chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 02225 nộp ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Anh Q đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Kim Th, huyện V, Tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện